



Vốn điều lệ của các NHTM cổ phần

(Tính đến 06/01/2009)

NGỌC DIỆP - THUỖ DUNG

STT	Tên ngân hàng	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1.	Nhà Hà Nội (Habubank)	1000.0	2000.0	2000.0
2.	Hàng Hải Việt Nam (MSB)	700.0	1680.6	1680.6
3.	Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	2089.4	4448.8	4448.8
4.	Đông Á (DongABank)	880.0	1600.0	2880.0
5.	Xuất nhập khẩu VN (Eximbank)	1212.4	2800.0	7219.9
6.	Nam Á (NamA Bank)	550.0	575.9	2000.0
7.	Á Châu (ACB)	1100.0	2630.0	6355.8
8.	Sài Gòn Công Thương (Saigonbank)	689.3	1108.7	1108.7
9.	Ngoài quốc doanh (VPBank)	750.0	2000.0	2117.0
10.	Kỹ Thương (Techcombank)	1500.0	2521.0	3642.0
11.	Quân Đội (MB)	1045.2	2000.0	3400.0
12.	Bắc Á (NAS Bank)	400.0	940.0	1016
13.	Quốc Tế (VIBBank)	1000.0	2000.0	2000.0
14.	Đông Nam Á (SeABank)	500.0	3000.0	3000.0
15.	Phát triển Nhà TP HCM (HDBank)	500.0	500.0	1000.0
16.	Phương Nam (Southern Bank)	1290.8	1925.7	2027.0
17.	Thái Bình Dương (Pacific Bank)	189.1	566.5	1133
18.	Gia Định (GiaDinh Bank)	210.0	444.6	1000.0
19.	Đệ Nhất (FCB)	300.0	609.6	1000.0
20.	Phương Đông (OCB)	567.0	1111.0	1474.0
21.	Sài Gòn (SCB)	600.0	1970.0	2180.0
22.	Việt Á (VietA Bank)	500.3	500.0	1359.8
23.	Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	500.0	2000.0	2000.0
24.	Dầu Khí Toàn Cầu (GP Bank)	500.0	1000.0	1000.0
25.	An Bình (ABBank)	1132.0	2300.0	2705.0
26.	Nam Việt (Navibank)	500.0	500.0	1000.0
27.	Kiên Long (Kienlongbank)	290.0	580.0	1000.0
28.	VN Thương Tín (Vietbank)	-	500.0	1000.0
29.	Đại Dương (OceanBank)	170.0	1000.0	1000.0
30.	Xăng Dầu Petrolimex (PG Bank)	200.0	500.0	1000.0
31.	Miền Tây (Western Bank)	200.0	200.0	1000.0
32.	Đại Á (DaiaBank)	500.0	500.0	1000.0
33.	Đại Tín (Trust bank) (Rach Kien Bank)	203.4	504.0	1000.0
34.	Mỹ Xuyên (MyXuyenbank)	500.0	500.0	1000.0
35.	Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	-		12100.0
36.	Liên Việt (LienVietbank)			3300.0
37.	Tiên Phong (TienPhongbank)			1000.0
38.	Bảo Việt (BaoVietbank)			1500.0

(Nguồn: Tổng hợp từ nhiều nguồn)